

Số: 169/QĐ-MNASA

An Sinh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công bố công khai số liệu phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của trường Mầm non An Sinh A**  
**(Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ, không tự chủ)**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

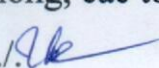
*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 566/QĐ - PGDDĐT ngày 29/5/2025 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục ( Nguồn kinh phí không tự chủ ) năm 2025*

## QUYẾT ĐỊNH

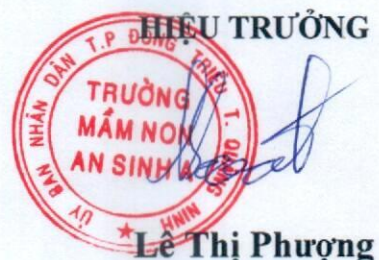
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của trường Mầm non An Sinh A (theo các biểu chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Ban giám hiệu, Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.



Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON AN SINH A

Chương: 622

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 169/QĐ-MNASA ngày 30/05/2025 của Hiệu trưởng trường MN An Sinh A)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT | Nội dung                                       | Dự toán được giao |
|-------|------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                              | 3                 |
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |                   |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                             | 0                 |
| 1.1   | Lệ phí                                         |                   |
| 1.2   | Phí                                            | 0                 |
|       | Học phí                                        | 0                 |
| 2     | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                   |
| 2.1   | Chi sự nghiệp                                  |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 2.2   | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 3     | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                   |
| 3.1   | Lệ phí                                         |                   |
| 3.2   | Phí                                            |                   |
| II    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 10.516.000        |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 2     | Nghiên cứu khoa học                            |                   |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở        |                   |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                   |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề      | 10.516.000        |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 0                 |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 10.516.000        |

An Sinh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Hiệu trưởng



Lê Thị Phụng